

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2020
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mỹ
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Lúc 8 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2010/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Ô6, Lô E2, Khu dân cư Tín Khải, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Th, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú cuối cùng: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị T có mặt, anh Th vắng mặt do bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2011, ngày 16/5/2011.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc do chị không thể sinh con. Đến đầu năm 2017, anh Th đã bỏ đi khỏi địa phương đi đâu, làm gì anh Th không thông báo cho chị biết. Sau nhiều lần tìm kiếm nhưng không có tin tức gì nên chị đã làm thủ tục tuyên bố anh Đoàn Th mất tích và đến ngày 30/12/2019 chị đã nhận được quyết định của Tòa án tuyên bố anh Th mất tích.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chị và anh Th không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đoàn Th đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng vì đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: Nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn bị tuyên bố mất tích nên gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: anh Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Chị T không còn tình cảm với anh Th nên xin ly hôn. Đề nghị cho chị T được ly hôn với anh Th. Về quan hệ con chung: Chị T và anh Th không có con chung; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Đoàn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Mỹ T khởi kiện về việc ly hôn với anh Đoàn Th, nơi cư trú cuối cùng: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Lê Thị Mỹ T là nguyên đơn, anh Đoàn Th là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ T và anh Đoàn Th kết hôn với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2011, ngày 16/5/2011. Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th có giá trị pháp lý. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện ngày 30/12/2019, anh Đoàn Th bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tuyên bố mất tích bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 14/2019/QĐST-DS ngày 30/12/2019. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay chị T xin ly hôn. Căn cứ Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Lê Thị Mỹ T được ly hôn với anh Đoàn Th.

[4]. Về con chung: Theo chị T không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị T không yêu cầu nên căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002414 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 85, 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ T được ly hôn anh Đoàn Th.

[2]. Về quan hệ con chung: Theo chị T không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002414 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Th được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (04);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã Triệu Lăng, H.Triệu Phong (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn